

**ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP HCM**

**HỌC PHẦN THUẾ**



**CHƯƠNG 3**

**THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

**SPECIAL CONSUMPTION TAX**

**GVGD: NGUYỄN ĐẶNG HẢI YẾN**

**Ngày cập nhật: T7/2020**

# VĂN BẢN LUẬT THAM KHẢO



1. Văn bản hợp nhất Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt số 02/VBHN-VPQH ngày 28/04/2016.
2. Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BTC về nghị định 21/10/2016.
3. Văn bản hợp nhất số 12/VBHN – BTC về thông tư ngày 15/05/2017.

# MỤC TIÊU CHƯƠNG 3



- Hiểu được những vấn đề liên quan đến thuế TTĐB: khái niệm, thuế TTĐB có vai trò gì đối với nền kinh tế, những đối tượng chịu thuế TTĐB, các trường hợp chủ thể được miễn, giảm, hoàn lại thuế.
- Nắm được phương pháp tính thuế TTĐB.
- Nắm rõ quy trình kê khai thuế và nộp thuế.

# NỘI DUNG



## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

- Khái niệm.
- Quá trình hình thành và phát triển.
- Vai trò của thuế xuất nhập khẩu.

## II. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT HIỆN HÀNH TẠI VIỆT NAM.

## III. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT Ở MỘT SỐ QUỐC GIA KHÁC.

## IV. CẢI CÁCH THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



# KHÁI NIỆM



Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) là một loại thuế gián thu đánh vào hàng hóa, dịch vụ đặc biệt mà nhà nước có chính sách định hướng tiêu dùng **trong nước** và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh

Tên gọi của thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Tại Việt Nam: Special Sales Tax/ Special Consumption Tax .
- Tại các nước phát triển: Excise Duties/ Excise Tax

# KHÁI NIỆM



Các hàng hóa dịch vụ chịu thuế TTĐB thường có các tính chất sau:

- Một số có giá bán cao.
- Cầu của những hàng hóa này thường kém co giãn so với giá cả.
- Hàng hóa có thể có hại cho sức khỏe, ảnh hưởng không tốt đến môi trường đời sống văn hóa cộng đồng.



# ĐẶC ĐIỂM



- Việc đánh thuế TTĐB có khuynh hướng làm thay đổi hành vi của người tiêu dùng một số HHDV nhất định.
- Mức thuế suất thường rất cao so với các loại hàng hoá, dịch vụ thông thường khác.
- Nhà nước chỉ đánh thuế TTĐB một lần ở khâu nhập khẩu hoặc sản xuất hay kinh doanh các dịch vụ thuộc ĐT chịu thuế TTĐB.
- Danh mục các HHDV đặc biệt có thể thay đổi phụ thuộc vào điều kiện của nền kinh tế và chính sách của Nhà nước.
- Giảm tính lũy thoái của thuế gián thu.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH



- Được hình từ một bộ phận của thuế hàng hóa (đánh vào việc tiêu dùng các hàng hóa & dịch vụ).
- Được áp dụng tại VN năm 1951 (thuế hàng hóa)
- Đến năm 1990, Bộ Tài chính soạn thảo dự án luật thuế mới, đã tiến hành tách & đổi tên một bộ phận của thuế hàng hóa thiết lập một luật thuế mới là thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Luật này được sửa đổi, bổ sung các năm 1993, 1995

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH



Số / Ký hiệu	Ngày BH	Trích yếu
106/2016/QH13	01/09/2016	Luật thuế TTĐB
71/2014/QH13	26/11/2014	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật thuế
70/2014/QH13	26/11/2014	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB
27/2008/QH12	14/11/2008	Luật thuế TTĐB
57/2005/QH11	09/12/2005	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TTĐB và GTGT
08/2003/QH11	26/06/2003	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của thuế TTĐB
05/1998/QH10	20/05/1998	Luật thuế TTĐB
21/L/CTN	19/07/1993	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của thuế TTĐB
270/B-NQ/HĐNNB	08/08/1990	Luật thuế TTĐB

# VAI TRÒ



## ❑ VAI TRÒ.

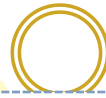
- Định hướng sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ được coi là đặc biệt này thông qua hệ thống thuế suất cho phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội của đất nước.
- Điều tiết thu nhập của người tiêu dùng một cách hợp lý, thực hiện phân phối lại thu nhập công bằng hơn.
- Tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
- Nhà nước kiểm soát và quản lý chặt chẽ hơn các hoạt động kinh doanh trong xã hội.

## 3.2. LUẬT THUẾ TTĐB HIỆN HÀNH



ĐỀ MỤC	NỘI DUNG
3.2.1	ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ
3.2.2	ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ
3.2.3	NGƯỜI NỘP THUẾ
3.2.4	CĂN CỨ TÍNH THUẾ
3.2.5	PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ
3.2.6	TRƯỜNG HỢP GIẢM – HOÀN THUẾ
3.2.7	THỦ TỤC KÊ KHAI – NỘP THUẾ

# ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ



## 3.2.1. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ - HÀNG HÓA

1. Thuốc lá .
2. Rượu.
3. Bia.
4. Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, ...)
5. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xilanh trên 125 cm<sup>3</sup>.
6. Tàu bay.
7. Du thuyền (là loại sử dụng cho mục đích dân dụng)
8. Xăng các loại.
9. Điều hòa nhiệt độ công suất <90.000BTU
10. Bài lá.
11. Vàng mã, hàng mã (không bao gồm đồ chơi trẻ em, đồ dạy học)



# ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ



## 3.2.1. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ - **DỊCH VỤ**

1. Kinh doanh vũ trường.
2. Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy Jackpot, máy Slot và các loại máy tương tự khác.
3. Kinh doanh xổ số.
4. Kinh doanh gôn.
5. Kinh doanh massage, karaoke
6. Kinh doanh đặt cược bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức khác theo quy định .

# ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ



1. Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công **trực tiếp xuất khẩu** hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để **xuất khẩu** (trừ ô tô dưới 24 chỗ bán cho doanh nghiệp chế xuất).
2. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách , kinh doanh du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng.
3. Xe ô tô cứu thương, xe ô tô chở phạm nhân, xe ô tô tang lễ, xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng, xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông.

# ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ



4. Hàng hóa **nhập khẩu** trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, quà tặng được phép của Chính phủ.
- Hàng hóa quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo qui định.
- Hàng tạm nhập, tái xuất và tạm xuất, tái nhập không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn quy định của pháp luật về thuế xuất nhập khẩu.
- Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao, hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.....

# ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ



5. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hóa từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau **trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ.**

6. Đối với điều hòa nhiệt độ là loại có công suất từ 90.000 BTU trở xuống theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải, bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, tàu bay.



Doanh nghiệp  
Khu chế xuất

Doanh nghiệp  
nội địa



Bán hàng

Và chỉ sử dụng  
trong KPTQ



DN nước ngoài

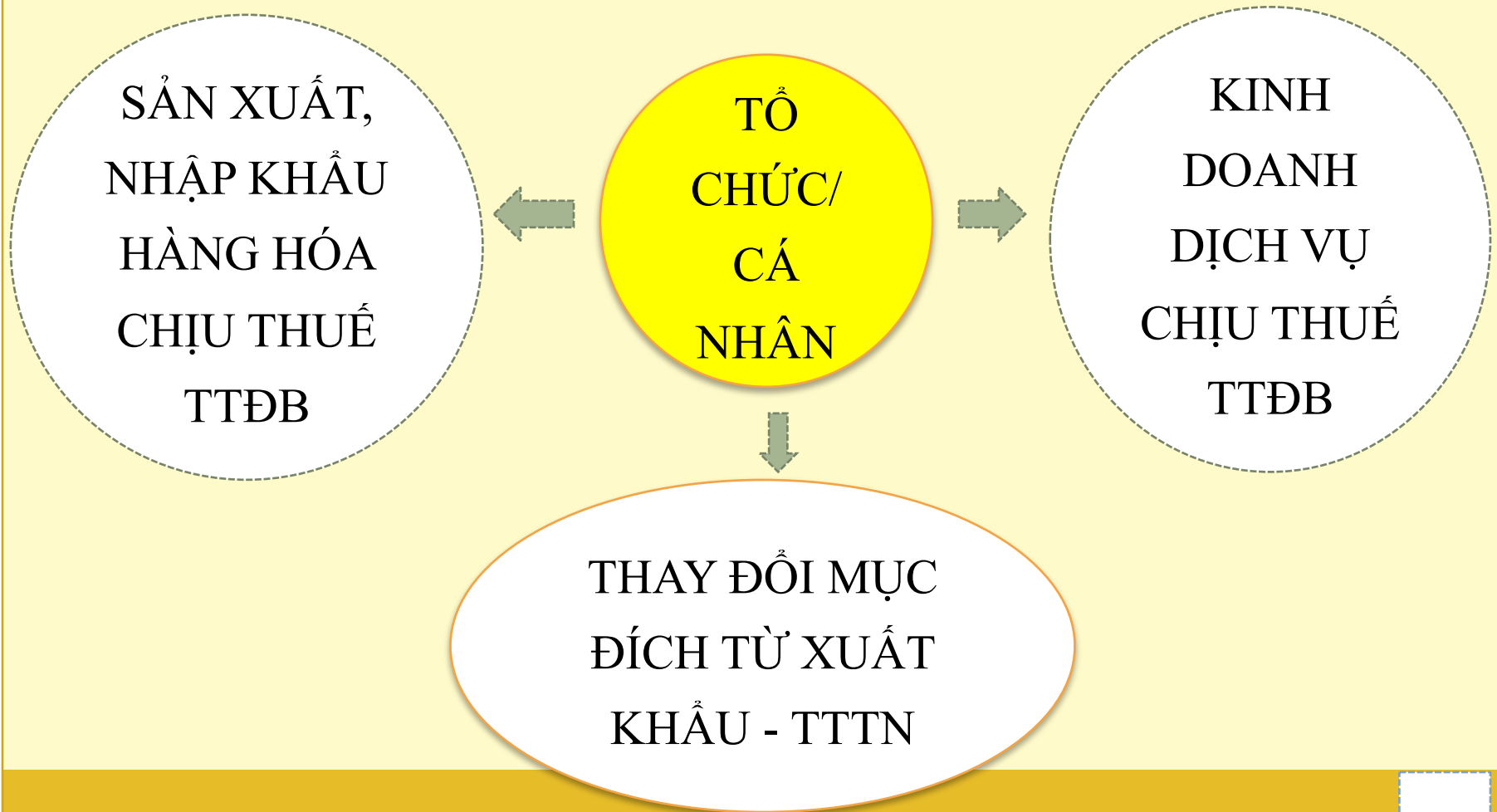
Bán hàng



Giữa các KPTQ  
với nhau

# NGƯỜI NỘP THUẾ

## 3.2.3. NGƯỜI NỘP THUẾ.



# NGƯỜI NỘP THUẾ



## 3.2.3. NGƯỜI NỘP THUẾ.

- Là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

# VÍ DỤ 1

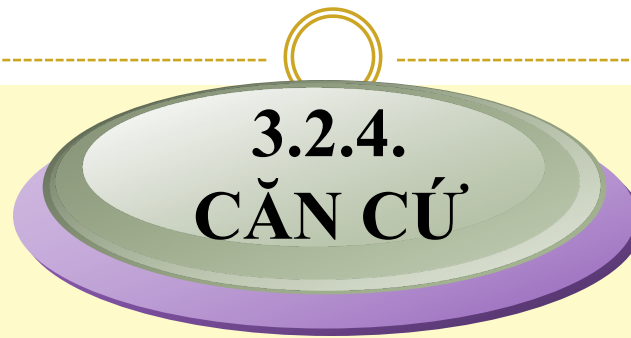


1. Công ty A sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB để xuất khẩu. Trong kỳ công ty A xuất bán cho công ty thương mại B để tiêu thụ nội địa.
2. Công ty A sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB để xuất khẩu. Trong kỳ công ty A xuất bán cho công ty thương mại B để xuất khẩu (nhưng công ty B tiêu thụ nội địa)
3. Công ty A sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB để xuất khẩu. Trong kỳ công ty A ủy thác cho công ty B XK ra nước ngoài.
4. Công ty B ủy thác cho công ty XNK A nhập khẩu xe ô tô loại 7 chỗ ngồi. Sau đó, Công ty B bán xe này cho công ty M để tiêu thụ trong nước.

**Yêu cầu:** Xác định người nộp thuế TTĐB trong các trường hợp trên.



# CĂN CỨ TÍNH THUẾ



## GIÁ TÍNH THUẾ

Là giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế TTĐB, thuế BVMT, thuế GTGT, bao gồm khoản thu thêm.

## SL TÍNH THUẾ

Là số lượng hàng hóa, dịch vụ thực tế nhập khẩu, tiêu thụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

## THUẾ SUẤT

Biểu thuế TTĐB hiện hành.

## 3.2. LUẬT THUẾ TTĐB HIỆN HÀNH

**GIÁ TÍNH  
THUẾ TTĐB**

HÀNG  
HÓA Ở  
KHÂU  
SXTN.

HÀNG HÓA  
NHẬP  
KHẨU RỒI  
BÁN RA.

HÀNG HÓA  
Ở KHÂU  
NHẬP  
KHẨU

DỊCH VỤ

# GIÁ TÍNH THUẾ



**Đối với hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu bán ra và hàng hóa sản xuất trong nước:** Giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra, chưa có thuế TTĐB

$$\text{GIÁ TÍNH THUẾ TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

# GIÁ TÍNH THUẾ



**Đối với hàng hóa giữa các công ty trong nhóm liên kết:**  
Trường hợp hàng hóa chịu thuế TTĐB được bán cho CSKDTM là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với CSSX, CSNK hoặc CSKDTM là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì Giá tính thuế không được thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại mua trực tiếp từ các CSSX, CSNK bán ra theo quy định.

# GIÁ TÍNH THUẾ



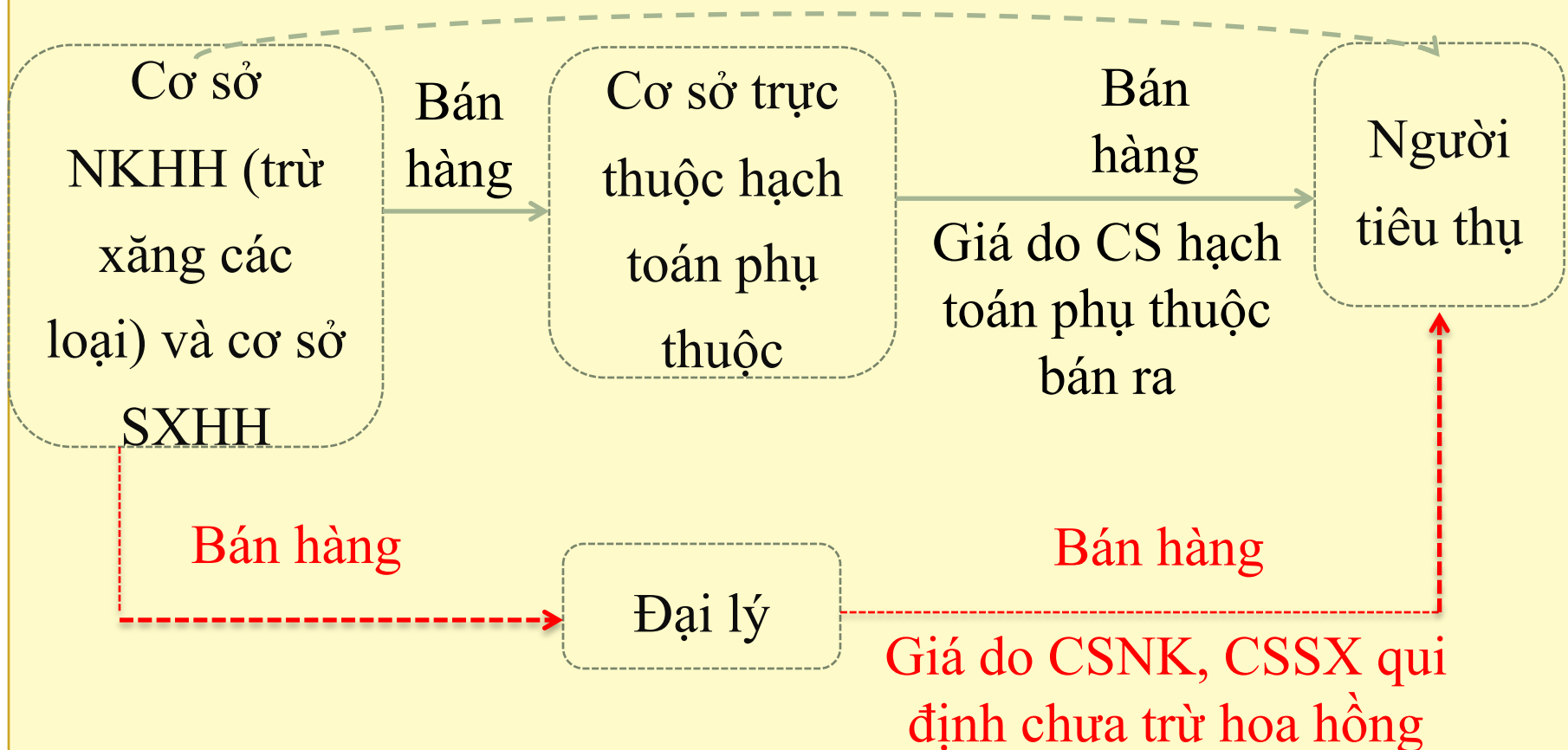
## 3.2.4. CĂN CỨ TÍNH THUẾ (TT) - GIÁ TÍNH THUẾ

Trường hợp cơ sở nhập khẩu hàng hoá, cơ sở sản xuất hàng hoá

- Bán hàng qua các cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc: là giá do cơ sở hạch toán phụ thuộc bán ra
- Bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá, chỉ hưởng hoa hồng: là giá do cơ sở nhập khẩu, cơ sở sản xuất quy định chưa trừ hoa hồng.

# GIÁ TÍNH THUẾ

Bán hàng



# GIÁ TÍNH THUẾ



**Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu: Giá đã bao gồm thuế nhập khẩu.**

Giá tính thuế  
TTĐB

=

Giá tính thuế  
nhập khẩu

+

Thuế nhập khẩu

Nếu được miễn/giảm thuế  
nhập khẩu



Giá tính thuế  
nhập khẩu

+

Thuế nhập khẩu  
sau khi miễn, giảm

# GIÁ TÍNH THUẾ



**Đối với hàng hóa gia công:** Là giá bán ra của cơ sở gia công.

**Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm:** Là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường, thuế Tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản trả lãi góp, lãi trả chậm.

**Đối với hàng hóa dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho khuyến mãi:** Là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này



# GIÁ TÍNH THUẾ



**Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất:** Là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.

# GIÁ TÍNH THUẾ



**Đối với dịch vụ:** Là giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt.

- Đối với kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: doanh thu từ hoạt động này đã trừ tiền trả thưởng cho khách.
- Đối với kinh doanh gôn: doanh thu bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn, tiền ký quỹ và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn.

# GIÁ TÍNH THUẾ



- **Đối với kinh doanh xổ số:** là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh.
- **Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, karaoke** là doanh thu các loại hoạt động trong vũ trường, cơ sở kinh doanh mát-xa, karaoke bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm.
- **Kinh doanh đặt cược:** là doanh thu bán vé đặt cược trừ (-) tiền trả thưởng cho khách hàng, không bao gồm doanh số bán vé vào cửa xem các sự kiện giải trí gắn với hoạt động.

# GIÁ TÍNH THUẾ



## GIÁ TÍNH THUẾ - TRƯỜNG HỢP THUỐC LÁ.

- Giá tính thuế bao gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá và các khoản doanh nghiệp được hưởng (nếu có)

*Nguồn: Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012.*

- Khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá được tính theo % trên giá tính thuế TTĐB theo lộ trình tính đến nay là 1,5% (có hiệu lực vào ngày 1/05/2016) 2% từ ngày 01/05/2019

# THỜI ĐIỂM PHÁT SINH DOANH THU



- Đối với hàng hoá: là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền;
- *Đối với dịch vụ*: là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền
- Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan

# BIỂU THUẾ



STT	HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	TS (%)
I	<b>Hàng hoá</b>	
1	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	75
2	Rượu	
	a) Rượu từ 20 độ trở lên	65
	b) Rượu dưới 20 độ	35
3	Bia	65
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g	
	- Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm <sup>3</sup> trở xuống	35
	- Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm <sup>3</sup> đến 2.000 cm <sup>3</sup>	40

# BIỂU THUẾ



STT	HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	TS (%)
4	a) Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g (tiếp) <ul style="list-style-type: none"><li>- Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm<sup>3</sup> đến 2.500 cm<sup>3</sup></li><li>- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm<sup>3</sup> đến 3.000 cm<sup>3</sup></li><li>- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm<sup>3</sup> đến 4.000 cm<sup>3</sup></li><li>- Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm<sup>3</sup> đến 5.000 cm<sup>3</sup></li><li>- Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm<sup>3</sup> đến 6.000 cm<sup>3</sup></li><li>- Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm<sup>3</sup></li></ul>	 50 60 90 110 130 150
	b) Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g	15
	c) Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g	10

# BIỂU THUẾ



STT	HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	TS (%)
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ (tiếp) d) Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g - Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm <sup>3</sup> trở xuống - Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm <sup>3</sup> đến 3.000 cm <sup>3</sup> - Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm <sup>3</sup>	15 20 25
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng	70% của 4 a, b, c,
	e) Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	50% của 4 a, b, c, d



# BIỂU THUẾ



STT	HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	TS (%)
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ ( <i>tiếp</i> ) g) Xe ô tô chạy bằng điện <ul style="list-style-type: none"><li>- Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống</li><li>- Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ</li><li>- Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ</li><li>- Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng</li></ul>	15 10 5 10
	h) Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh	75
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm <sup>3</sup>	20
6	Tàu bay	30
7	Du thuyền	30

# BIỂU THUẾ



STT	HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	TS (%)
8	Xăng các loại a) Xăng. b) Xăng E5 c) Xăng E10	10 8 7
9	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10
10	Bài lá	40
11	Vàng mã, hàng mã	70

# BIỂU THUẾ



STT	HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	TS (%)
II	DỊCH VỤ	
1	Kinh doanh vũ trường	40
2	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
3	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	35
4	Kinh doanh đặt cược	30
5	Kinh doanh gôn	20
6	Kinh doanh xổ số	15

# PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ



## 3.2.5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

THUẾ TTĐB  
PHẢI NỘP

=

GIÁ TÍNH  
THUẾ TTĐB

X

THUẾ SUẤT  
THUẾ TTĐB

## VÍ DỤ 2



1. Công ty ABC nhập khẩu 2 xe ô tô nguyên chiếc, giá tính thuế nhập khẩu là 500 triệu đồng/chiếc. Ô tô có thuế suất thuế xuất khẩu 15%, thuế suất thuế nhập khẩu 80%. Thuế suất thuế TTĐB 50%.
2. Công ty ABC nhập khẩu 2,000 chai rượu, giá bán tại cửa khẩu xuất là 500,000 đồng/chai, chi phí vận tải và bảo hiểm tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên là 100,000 đồng/chai. Trong quá trình vận chuyển, xếp dỡ (hàng còn nằm trong khu vực hải quan quản lý) vỡ 200 chai. Thuế suất thuế nhập khẩu rượu là 150%, thuế TTĐB là 30%.

**Yêu cầu:** Tính số thuế tiêu thụ đặc biệt công ty ABC phải nộp trong hai trường hợp trên.

## VÍ DỤ 3



1. Nhập khẩu 10,000 lít rượu nước làm nguyên liệu sản xuất rượu chai 50 độ, thuế tiêu thụ đặc biệt mà công ty đã nộp ở khâu nhập khẩu là 299 triệu đồng. Hỏi thuế nhập khẩu công ty đã nộp là bao nhiêu, biết rằng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của rượu nước là 50%, thuế suất thuế nhập khẩu là 30%. Tính thuế nhập khẩu công ty này phải nộp?
2. Công ty A ủy thác cho công ty B nhập khẩu bia. Giá tính thuế NK của cả lô hàng là 500 triệu đồng. Phí vận tải bảo hiểm quốc tế 20 triệu đồng. Thuế suất NK 20%; thuế suất TTĐB 50%. Thuế suất GTGT 10%. Số thuế Tiêu thụ đặc biệt mà công ty B/ công ty A phải đi nộp cho lô hàng trong trường hợp ủy thác này?

# KHẤU TRỪ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



Số tiền thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ:

- Số tiền thuế TTĐB của các yếu tố đầu vào thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Các yếu tố đầu vào được sử dụng cho quá trình sản xuất các hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đầu vào được khấu trừ phải có chứng từ đầy đủ, hợp pháp.

# KHẤU TRỪ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

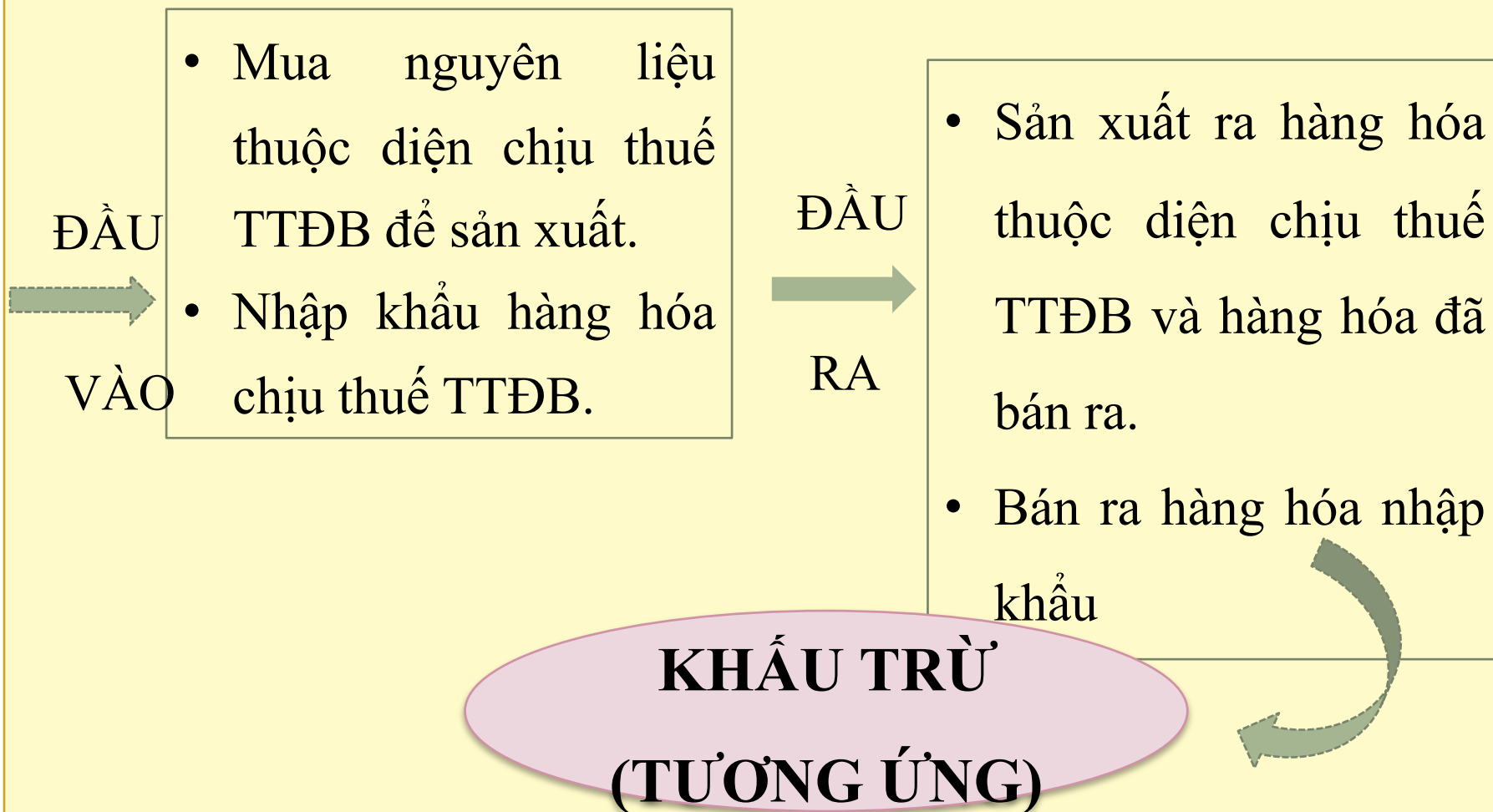


## 3.2.5. PPTT (TT)-KHẤU TRỪ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

- Tiền thuế TTĐB đầu vào là tiền thuế TTĐB của các yếu tố đầu vào cấu thành trong các HHDV bán ra mà doanh nghiệp đã thanh toán khi mua hàng bao gồm cả hàng hóa tồn kho.
- Tiền thuế TTĐB đầu ra là số tiền thuế TTTB của HHDV được bán ra mà DN đã thu từ người tiêu dùng.
- Trường hợp đặc biệt số thuế TTĐB đầu vào chưa được khấu trừ hết do nguyên nhân khách quan bất khả kháng, sẽ được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp



# KHẤU TRỪ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## VÍ DỤ 4



Cơ sở sản xuất mua nguyên liệu là mặt hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB, sau đó sử dụng 50% nguyên liệu để sản xuất hàng hóa không thuộc diện chịu thuế TTĐB. Trong kỳ, cơ sở sản xuất này tiêu thụ được 50% sản phẩm đã sản xuất.

**Yêu cầu:** xác định số thuế TTĐB đầu vào dự kiến cơ sở sản xuất được phép khấu trừ là bao nhiêu?

# KHẤU TRỪ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Thuế  
TTĐB  
phải nộp

=

Số thuế TTĐB  
phải nộp của  
hàng chịu thuế  
TTĐB xuất kho  
tiêu thụ trong kỳ

-

Số thuế TTĐB đã  
nộp/đã trả ở khâu  
nguyên liệu mua  
vào tương ứng với  
số hàng xuất kho  
tiêu thụ trong kỳ

## VÍ DỤ 5



Trong kỳ tính thuế, Công ty B sản xuất và kinh doanh rượu trên cơ sở đóng chai rượu nước được nhập khẩu, giá thanh toán của toàn bộ lô hàng bán ra trong kỳ là 196 tỷ đồng. Thuế suất nhập khẩu 50%. Thuế suất TTĐB 50%. Thuế suất GTGT 10%. Nếu biết rằng số tiền thuế TTĐB đầu vào đã nộp khi nhập khẩu rượu của toàn bộ lô hàng bán ra này là 30 tỷ đồng

### Yêu cầu:

- Tính số thuế TTĐB công ty B còn phải nộp trong kỳ?

## VÍ DỤ 6



Trong kỳ tính thuế, Công ty K có tình hình sản xuất và kinh doanh cụ thể như sau: (1) Nhập khẩu rượu từ nước ngoài để đóng chai và bán trong nước, tổng trị lô hàng nhập khẩu theo giá CIF là 100 tỷ đồng. Thuế suất nhập khẩu 50%. Thuế suất TTĐB 50%. Thuế suất GTGT 10%. Công ty có đầy đủ các chứng từ nộp đủ các loại thuế của lô hàng nhập khẩu. (2) Trong tháng công ty tiêu thụ được  $\frac{1}{2}$  số rượu chai được sản xuất với giá bán thanh toán: 165 tỷ đồng.

**Yêu cầu:** Tính số thuế TTĐB công ty K còn phải nộp trong kỳ?

# VÍ DỤ 7



Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở sản xuất A phát sinh các nghiệp vụ sau: (1) Nhập khẩu 10,000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ vào biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu). (2) Xuất kho 8,000 lít để sản xuất 12,000 chai rượu. (3) Xuất bán 9,000 chai rượu, số thuế TTĐB phải nộp của 9,000 chai rượu là 350 triệu đồng. Xác định số tiền thuế TTĐB còn phải nộp trong kỳ?

**Yêu cầu:** Tính số thuế TTĐB công ty A còn phải nộp trong kỳ?

## VÍ DỤ 8



Nhập khẩu 10,000 lít rượu nước làm nguyên liệu sản xuất rượu chai 50 độ, thuế tiêu thụ đặc biệt mà công ty ABC đã nộp ở khâu nhập khẩu là 299 triệu đồng. Công ty đã xuất kho 8,000 lít rượu để sản xuất ra 12,000 chai rượu 50 độ. Trong kỳ, công ty tiêu thụ được 9,000 chai rượu với giá bán chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt là 66,500 đồng/chai. Hỏi thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp là bao nhiêu, nếu biết rằng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của rượu nước và rượu chai 50 độ là 50%

**Yêu cầu:** Tính số thuế TTĐB công ty ABC còn phải nộp trong kỳ?

# HOÀN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## 3.2.6. TRƯỜNG HỢP HOÀN THUẾ TTĐB.

1. Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu (chỉ thực hiện đối với hàng hoá thực tế xuất khẩu)
2. Hàng hóa là **nguyên liệu nhập khẩu** để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu (chỉ thực hiện đối với hàng hoá thực tế xuất khẩu)
3. Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, phá sản, giải thể, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động...có số thuế nộp thừa .



# HOÀN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## 3.2.6. TRƯỜNG HỢP HOÀN THUẾ TTĐB.

4. Có quyết định hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế TTĐB theo quy định quốc tế mà VN là nước thành viên.
5. Hoàn thuế TTĐB chỉ thực hiện đối với hàng hóa thực tế XK.

# GIẢM THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## 3.2.6. TRƯỜNG HỢP GIẢM THUẾ TTĐB.

1. Đối tượng được giảm: Người nộp thuế là tổ chức sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ được xem xét giảm thuế.
2. Mức giảm: được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế gây ra nhưng không quá 30% số tiền thuế TTĐB phải nộp của năm xảy ra thiệt hại. Và mức giảm thuế không được vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có)

# KÊ KHAI NỘP THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## 3.2.7. KÊ KHAI NỘP THUẾ.

- Thời điểm xác định thuế TTĐB: là thời điểm ghi nhận doanh thu.

**Hàng hóa:** Là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

**Dịch vụ:** Là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

**Hàng hóa nhập khẩu:** Là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

# KÊ KHAI NỘP THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## 3.2.7. KÊ KHAI NỘP THUẾ. Nguyên tắc kê khai – nộp thuế.

**Kê khai theo tháng:** Áp dụng cho các tổ chức sản xuất, gia công các hàng hóa và dịch vụ các dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

**Kê khai theo từng lần phát sinh:** Áp dụng cho các tổ chức có hoạt động mua hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB để xuất khẩu nhưng sau đó thay đổi mục đích bán hàng hóa trong nước.

- Nếu trong kỳ tính thuế mà không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế hoặc người nộp thuế đang được hưởng chế độ ưu đãi miễn giảm: vẫn kê khai, nộp hồ sơ khai thuế theo đúng quy định.

# KÊ KHAI NỘP THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



## 3.2.7. KÊ KHAI NỘP THUẾ.

- Hồ sơ kê khai thuế: Tờ khai / bảng kê hóa đơn hàng hóa mua vào, bán ra chịu thuế TTĐB.
- Thời hạn nộp hồ sơ kê khai.

**Kê khai theo tháng:** chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng có phát sinh nghĩa vụ thuế.

**Kê khai theo từng lần phát sinh:** chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày có phát sinh nghĩa vụ thuế.

Lưu ý: Bán hàng qua các chi nhánh, tổng công ty là đơn vị có trách nhiệm kê khai, nộp thuế TTĐB. Các chi nhánh có trách nhiệm gửi bảng kê bán hàng cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp theo dõi

### 3.3. THUẾ TTĐB Ở MỘT SỐ QUỐC GIA



# CẢI CÁCH THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT



- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để hướng dẫn điều tiết tiêu dùng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.
- Xây dựng lộ trình điều chỉnh thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu, ô tô... để điều tiết tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế.
- Nghiên cứu, bổ sung quy định về giá tính thuế đối với một số trường hợp hợp tác, phân công giữa các nước trong chuỗi sản xuất toàn cầu, bảo đảm điều tiết công bằng giữa hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước và hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu.
- Nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và thuế suất tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.